MIRAE ASSET Securities

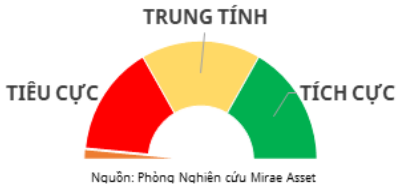
24 Tháng 09, 2026

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,775.09	-1.5	-0.8	7.1
HNX	272.77	-1.3	-3.7	-1.6
UPCOM	125.83	-0.1	-1.5	14.8
MSCI EM	1,748.58	0.2	3.2	29.3
NIKKEI	65,513.99	0.8	0.0	43.6
HANG SENG	24,761.13	-0.3	-3.0	-6.6
KOSPI	7,080.92	0.9	4.3	109.1
FTSE	10,701.88	0.0	-1.4	15.7
S&P 500	7,706.03	-0.8	0.7	16.1
NASDAQ	26,936.04	-1.1	3.7	19.7

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	13.2	2.0	16.0
Indonesia	14.1	1.7	12.2
Philippines	8.7	1.2	11.6
Malaysia	14.6	1.6	10.4
Thailand	15.2	1.5	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	15.5	1.5
Tái cấp vốn	4.5	0	0	0
TPCP 5 năm	4.3	0	3	125
TPCP 10 năm	4.5	0	2	89

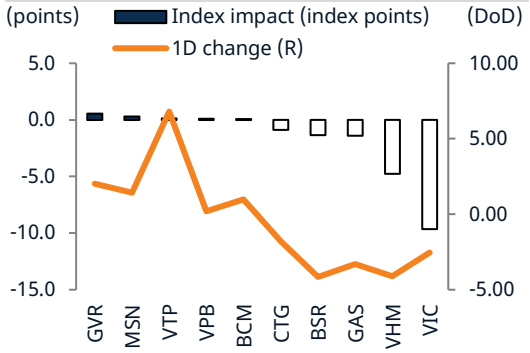
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	25,994	0.0	-0.7	-1.6
US$/KRW	1,372.5	0.4	-0.8	-2.3
US$/JPY	158.73	0.3	-0.2	6.6
US$/EUR	0.8791	0.1	2.5	3.2
US$/GBP	0.7557	0.1	3.0	1.6
US$/SGD	1.2803	0.0	0.8	-0.6

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	642	546	628
HNX	22	26	36
UPCOM	47	12	13

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Áp lực bán từ khối ngoại

VN-Index mở cửa với sắc thái giảm điểm và duy trì đà bán trong xuyên suốt phiên giao dịch. Tuy nhiên, thanh khoản vẫn duy trì ở mức trung bình, cho thấy dòng tiền vẫn đang tham gia vào thị trường.

Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 1.775,09 điểm, giảm 26,56 điểm (-1,47%). Thanh khoản thị trường với khối lượng khớp lệnh tăng 7,36% đạt khoảng 517 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị giao dịch 13.411 tỷ đồng. Thị trường ghi nhận 81 mã tăng, 228 mã giảm và 58 mã đứng giá.

Thị trường ghi nhận 20/23 nhóm ngành bị áp lực bán, nhóm ngành gây áp lực lên thị trường tập trung ở năng lượng (BSR, PLX, PVD), bất động sản (VIC, VHM, VRE). Ở chiều ngược lại, chỉ còn 3 nhóm ngành được nâng đỡ, gồm viễn thông (CTR), nguyên vật liệu (GVR, ACG, BMP) và thực phẩm (MSN, VNM).

Khối ngoại bán ròng với giá trị hơn 863 tỷ đồng toàn thị trường, riêng sàn HOSE ghi nhận mức bán ròng 916 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở các mã như VHM (-349 tỷ đồng), VIC (-176 tỷ đồng) và VPB (-113 tỷ đồng). Ngược lại, dòng vốn ngoại mua ròng vào các mã như MSN (182 tỷ đồng), MSR (41 tỷ đồng) và GAS (26 tỷ đồng).

Phiên giao dịch giảm điểm, làm điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index giảm từ mức -6 điểm xuống mức -7 điểm với trạng thái TIÊU CỰC. Hệ số P/E của VN-Index hiện đạt 13.2x.

Huỳnh Thị Thu Thảo, Analyst, 84-8-39102222, thao.htt@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	4	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-6	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (24/09/2026)	1.775	Kháng cự 1	1.800
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	1.900
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.700
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.650

VN-Index tiếp tục giảm điểm, đóng cửa ở hỗ trợ MA50.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (24/09/2026)	1.937	Kháng cự 1	**2.000**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**TIÊU CỰC**	Kháng cự 2	**2.050**
VN30 - đóng cửa	1.932	Hỗ trợ 1	**1.900**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**+5,35**	Hỗ trợ 2	**1.850**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-5	**TIÊU CỰC**
VN30F1M	-4	**TIÊU CỰC**

VN30F1M kết phiên giảm điểm, độ lệch so với VN30 đạt mức 5,35 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
PET	Bán lẻ	45,000	556,985	**97**	7	**Top sức mạnh ngành**
MSB	Ngân hàng	14,250	7,133,715	**96**	7	
DCM	Phân bón	34,000	3,460,370	**84**	4	
DHC	Sản xuất giấy	38,800	433,760	**100**	6	
VGC	Vật liệu xây dựng	42,400	356,990	**91**	7	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng SMG ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
PET	45	556,985	**7**	**KHẢ QUAN**	6,963	22.8	2.8	25
VGC	42.4	356,990	**7**	**KHẢ QUAN**	19,010	13.4	2.3	15
TCB	32.95	17,103,070	**6**	**KHẢ QUAN**	233,492	8.6	1.3	564
DCL	45	1,514,675	**6**	**KHẢ QUAN**	3,287	#N/A N/A	2.2	68
DHC	38.8	433,760	**6**	**KHẢ QUAN**	4,122	7.7	1.6	17
MSN	70.8	4,332,985	**5**	**KHẢ QUAN**	103,395	15.3	2.7	307
MSR	55.5	1,946,300	**5**	**KHẢ QUAN**	61,041	5550.0	5.0	108
GVR	32.8	2,347,570	**5**	**KHẢ QUAN**	131,200	18.5	2.2	77
FRT	142	424,080	**5**	**KHẢ QUAN**	25,392	22.3	5.3	60
HAH	49.35	725,385	**5**	**KHẢ QUAN**	9,295	7.1	1.8	36
HDB	27.65	11,248,905	**4**	**KHẢ QUAN**	138,396	6.9	1.6	311
MWG	72.9	2,484,580	**4**	**KHẢ QUAN**	107,578	10.9	3.0	181
VNM	60.6	2,518,160	**4**	**KHẢ QUAN**	126,651	12.8	4.0	153
TPB	14.7	8,011,695	**4**	**KHẢ QUAN**	40,778	5.4	0.9	118
DCM	34	3,460,370	**4**	**KHẢ QUAN**	18,000	7.8	1.6	118
VSC	13.1	8,536,005	**4**	**KHẢ QUAN**	4,904	14.3	0.9	112
DGW	45.8	2,055,950	**4**	**KHẢ QUAN**	10,230	12.1	2.7	94
POW	12.5	6,293,770	**4**	**KHẢ QUAN**	38,348	6.3	0.9	79
EIB	16.5	4,220,505	**4**	**KHẢ QUAN**	30,735	62.5	1.2	70
PC1	21.05	1,584,860	**4**	**KHẢ QUAN**	8,658	8.6	1.3	33
HAG	14	1,634,895	**4**	**KHẢ QUAN**	17,744	5.2	1.1	23
PVP	19.2	1,069,460	**4**	**KHẢ QUAN**	1,991	6.2	1.0	21
AAA	7.53	2,053,520	**4**	**KHẢ QUAN**	2,965	5.4	0.5	15
BSR	30	12,490,480	**2**	TRUNG TÍNH	150,219	7.5	2.0	375
VJC	132	1,204,235	**2**	TRUNG TÍNH	101,521	46.1	3.9	159
VPI	61.8	2,085,700	**2**	TRUNG TÍNH	21,757	54.0	4.0	129
LPB	46.4	2,384,315	**2**	TRUNG TÍNH	138,610	12.3	3.2	111
GMD	76.3	790,055	**2**	TRUNG TÍNH	32,542	13.5	2.4	60
BVH	69.2	666,760	**2**	TRUNG TÍNH	51,369	15.5	2.0	46
IDC	33.6	1,286,290	**2**	TRUNG TÍNH	14,026	6.5	2.1	43
SAB	44.15	475,260	**2**	TRUNG TÍNH	56,625	12.3	2.9	21
REE	46.7	340,880	**2**	TRUNG TÍNH	29,089	11.0	1.3	16
BCM	40.95	612,675	**1**	TRUNG TÍNH	42,383	22.4	1.9	25

CTR	74.1	204,245	**1**	TRUNG TÍNH	9,493	14.5	4.2	15
SHB	11.6	43,105,212	**0**	TRUNG TÍNH	61,987	4.5	0.7	500
GEX	24.1	8,891,485	**0**	TRUNG TÍNH	31,534	23.0	1.6	214
PVT	22.3	6,425,165	**0**	TRUNG TÍNH	11,527	8.1	1.2	143
HCM	25.1	3,491,680	**0**	TRUNG TÍNH	33,884	23.4	2.1	88
VIB	13.45	4,906,010	**0**	TRUNG TÍNH	50,133	6.8	1.0	66
ORS	13.4	2,299,035	**0**	TRUNG TÍNH	8,361	14.2	1.1	31
BVS	28	888,710	**0**	TRUNG TÍNH	2,022	10.5	0.7	25
HUT	12.7	1,472,130	**0**	TRUNG TÍNH	13,567	22.7	1.2	19
HDG	16.05	1,104,425	**0**	TRUNG TÍNH	6,532	7.0	0.9	18
EVF	11.65	1,415,960	**0**	TRUNG TÍNH	8,861	9.4	0.9	16
VPB	22.1	22,646,884	**-2**	TRUNG TÍNH	221,000	7.4	1.2	500
MBB	19.85	12,018,720	**-2**	TRUNG TÍNH	183,876	6.4	1.3	239
NVL	12.2	12,534,640	**-2**	TRUNG TÍNH	29,305	6.6	0.6	153
GAS	82	1,727,265	**-2**	TRUNG TÍNH	197,862	15.6	2.9	142
PVS	32.3	3,580,960	**-2**	TRUNG TÍNH	19,823	9.4	1.3	116
DPM	22.7	3,717,165	**-2**	TRUNG TÍNH	15,434	9.0	1.4	84
KDH	15.7	4,667,995	**-2**	TRUNG TÍNH	17,619	10.8	0.9	73
PDR	11.5	3,821,815	**-2**	TRUNG TÍNH	11,475	18.5	0.9	44
CTS	21.55	1,372,330	**-2**	TRUNG TÍNH	5,867	15.6	2.0	30
HHP	17.3	1,097,190	**-2**	TRUNG TÍNH	1,595	33.2	1.6	19
NAF	47.95	376,690	**-2**	TRUNG TÍNH	2,934	13.7	3.3	18
HVN	20.4	750,965	**-2**	TRUNG TÍNH	63,475	13.9	6.7	15
VHC	49.7	305,260	**-2**	TRUNG TÍNH	10,410	7.6	1.1	15
PHR	32	454,065	**-2**	TRUNG TÍNH	7,805	8.3	1.7	15
ACV	39.4	353,270	**-2**	TRUNG TÍNH	141,144	12.7	1.9	14
CTD	58.5	217,365	**-2**	TRUNG TÍNH	6,542	7.7	0.7	13
VIX	12.75	38,460,824	**-4**	**TIÊU CỰC**	32,803	6.2	1.0	490
SSI	20.85	20,973,920	**-4**	**TIÊU CỰC**	62,327	12.3	1.5	437
FPT	65.3	6,436,615	**-4**	**TIÊU CỰC**	123,140	12.2	3.1	420
STB	76.9	3,411,015	**-4**	**TIÊU CỰC**	144,973	23.7	2.3	262
CTG	30.15	7,713,020	**-4**	**TIÊU CỰC**	234,173	5.8	1.2	233
VCI	20.1	10,094,165	**-4**	**TIÊU CỰC**	23,160	14.4	1.3	203
VND	14.5	10,093,210	**-4**	**TIÊU CỰC**	22,073	8.2	1.0	146
BID	35.9	3,723,110	**-4**	**TIÊU CỰC**	279,240	8.4	1.4	134
MCH	141.7	672,745	**-4**	**TIÊU CỰC**	185,259	26.2	9.8	95
CEO	11.5	5,248,230	**-4**	**TIÊU CỰC**	6,851	35.8	1.1	60
KBC	26	1,233,340	**-4**	**TIÊU CỰC**	24,486	21.4	1.0	32
SBT	22.6	1,192,390	**-4**	**TIÊU CỰC**	21,123	28.9	1.8	27
E1VFVN30	34.93	536,990	**-4**	**TIÊU CỰC**	5,907	#N/A Field Not Applicable	#N/A Field Not Applicable	19
QNS	49.7	276,200	**-4**	**TIÊU CỰC**	18,272	8.1	1.5	14
VIC	230	5,966,560	**-5**	**TIÊU CỰC**	1,785,303	82.2	10.2	1,372
HPG	20.8	18,042,900	**-5**	**TIÊU CỰC**	175,615	7.6	1.2	375
VCB	58.1	5,176,445	**-5**	**TIÊU CỰC**	485,465	11.7	2.0	301
PLX	35	5,453,095	**-5**	**TIÊU CỰC**	45,286	14.5	1.7	191
ACB	21.4	7,500,320	**-5**	**TIÊU CỰC**	124,215	7.9	1.3	161
PVD	18.35	5,948,015	**-5**	**TIÊU CỰC**	17,024	17.5	1.0	109
VC3	23.2	1,234,905	**-5**	**TIÊU CỰC**	3,452	48.5	2.2	29

TCM	15.8	975,165	**-5**	**TIÊU CỰC**	1,859	9.4	0.8	15
MBS	16.4	2,892,725	**-6**	**TIÊU CỰC**	16,415	11.3	1.4	47
DGC	35.3	917,080	**-6**	**TIÊU CỰC**	13,406	6.7	0.8	32
VHM	65.4	9,999,200	**-7**	**TIÊU CỰC**	537,249	6.8	2.0	654
PNJ	33.3	5,683,835	**-7**	**TIÊU CỰC**	17,040	7.1	1.3	189
VRE	24.15	5,611,625	**-7**	**TIÊU CỰC**	54,876	7.6	1.1	136
SHS	13.9	8,019,250	**-7**	**TIÊU CỰC**	12,503	12.4	1.0	111
DXG	10.15	10,334,745	**-7**	**TIÊU CỰC**	12,871	64.1	0.9	105
CII	12.65	7,893,610	**-7**	**TIÊU CỰC**	8,501	86.8	0.9	100
TCH	11.25	5,079,105	**-7**	**TIÊU CỰC**	11,287	37.7	1.0	57
NLG	22.8	1,896,840	**-7**	**TIÊU CỰC**	11,062	18.5	0.9	43
DIG	9.83	4,362,500	**-7**	**TIÊU CỰC**	8,299	10.7	0.8	43
OIL	13.4	2,839,425	**-7**	**TIÊU CỰC**	13,859	39.1	1.3	38
VCG	14.05	2,123,055	**-7**	**TIÊU CỰC**	9,810	2.6	0.9	30
DBC	15.75	1,631,075	**-7**	**TIÊU CỰC**	6,789	5.9	0.8	26
HSG	10	2,257,390	**-7**	**TIÊU CỰC**	8,073	12.3	0.7	23
HHV	9.15	2,393,990	**-7**	**TIÊU CỰC**	5,007	7.9	0.5	22
NKG	9.7	1,526,030	**-7**	**TIÊU CỰC**	4,776	28.7	0.6	15
FTS	20.05	672,780	**-7**	**TIÊU CỰC**	7,642	18.1	1.7	13

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Tổng nợ toàn cầu chạm mức kỷ lục trên 365.000 tỷ USD

Nợ toàn cầu đã tăng hơn 10.000 tỷ USD trong nửa đầu năm 2026, chạm mức kỷ lục hơn 365.000 tỷ USD, chủ yếu do sự gia tăng nợ tại các thị trường mới nổi, gây lo ngại về tài chính toàn cầu. Trong báo cáo Giám sát Nợ Toàn cầu mới nhất công bố ngày 23/9, Viện Tài chính Quốc tế (IIF) cho biết nợ toàn cầu đã tăng hơn 10.000 tỷ USD trong nửa đầu năm 2026, chạm mức kỷ lục hơn 365.000 tỷ USD, chủ yếu do sự gia tăng nợ tại các thị trường mới nổi. Nợ toàn cầu hiện ở mức khoảng 310% GDP, thấp hơn khoảng 25 điểm phần trăm so với mức đỉnh đầu năm 2021. Tuy nhiên, IIF nhận định rằng con số này phần lớn phản ánh việc lạm phát làm tăng GDP danh nghĩa, thay vì quá trình giảm đòn bẩy tài chính thực sự.

Mức tăng tổng thể trong nửa đầu năm nay chưa bằng một nửa so với con số 21.000 tỷ USD tăng thêm trong cùng kỳ năm trước, do lãi suất cao hơn, chi phí trả nợ gia tăng, giá năng lượng tăng vọt và xung đột tại Trung Đông đã kìm hãm hoạt động vay mượn. Chính phủ và các doanh nghiệp phi tài chính chiếm phần lớn mức tăng, với cả hai khu vực đều có mức nợ cao kỷ lục mới. IIF cho biết nợ tại các thị trường mới nổi đã tăng 6.500 tỷ USD lên hơn 110.000 tỷ USD, dẫn đầu là Trung Quốc, trong khi tốc độ tích lũy nợ tại các nền kinh tế phát triển lại chậm lại đáng kể.

Nếu không tính Trung Quốc, tổng nợ của các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển đã tăng khoảng 1.700 tỷ USD trong nửa đầu năm, chạm mức kỷ lục 38.000 tỷ USD. Báo cáo được công bố trong bối cảnh lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ tăng vọt lên mức kỷ lục trong nhiều năm, làm tăng chi phí tái cấp vốn của chính phủ. Lợi suất trái phiếu chuẩn kỳ hạn 10 năm đã ở mức cao nhất kể từ năm 2007, trong khi lợi suất kỳ hạn 30 năm đạt mức chưa cao từng thấy trong gần hai thập kỷ qua. IIF cho biết chi phí vay mượn trung bình của chính phủ các nước thuộc nhóm các nước công nghiệp phát triển đang ở mức cao nhất kể từ giữa năm 2008, đồng thời chi phí trả lãi hàng năm cũng tăng gần 85%.

Trong năm qua, các nền kinh tế phát triển đã chi hơn 3.300 tỷ USD tiền lãi cho các loại trái phiếu chính phủ được giao dịch quốc tế, một con số này vượt xa mức chi tiêu toàn cầu ước tính cho trí tuệ nhân tạo (2.600 tỷ USD), quốc phòng (3.100 tỷ USD) hay năng lượng sạch (2.300 tỷ USD). Báo cáo cũng nhấn mạnh sự gia tăng mạnh mẽ của hoạt động vay vốn phục vụ đầu tư vào AI. Nợ của các doanh nghiệp phi tài chính tại Mỹ đã đạt mức 24.000 tỷ USD, trong đó các khoản tín dụng tư nhân hiện chiếm hơn 5% tổng dư nợ này, tăng từ mức khoảng 1% vào năm 2014.

Nguồn: vietstock.vn

Mỹ - Trung Quốc gia hạn thỏa thuận đình chiến thương mại thêm 2 tháng

Bộ trưởng Tài chính Mỹ Scott Bessent cho biết Mỹ và Trung Quốc đã nhất trí gia hạn thêm 2 tháng thỏa thuận nhằm hạ nhiệt căng thẳng thương mại giữa hai nước. “Chúng tôi thống nhất gia hạn Thỏa thuận Busan. Thỏa thuận giảm căng thẳng kinh tế này dự kiến hết hiệu lực ngày 10/11, nhưng giờ sẽ kéo dài đến ngày 10/1. Việc này sẽ cho hai bên thêm thời gian để đánh giá những gì có thể thực hiện trên phương diện kinh tế”, ông Bessent cho biết ngày 23/9. Năm ngoái, bên lề Hội nghị Thượng đỉnh APEC tại Hàn Quốc, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Mỹ Donald Trump đạt thỏa thuận có thời hạn một năm về đất hiếm, các khoáng sản thiết yếu và thuế nhập khẩu.

Trước thông báo của ông Bessent, nhiều người kỳ vọng thỏa thuận sẽ được gia hạn thêm 6 tháng hoặc lâu hơn. Quan hệ kinh tế Mỹ - Trung đã trải qua hơn một năm biến động kể từ khi ông Trump trở lại Nhà Trắng. Việc Washington liên tiếp áp thuế nhập khẩu mới

từ đầu năm ngoái đã kéo theo các biện pháp trả đũa từ Bắc Kinh, có thời điểm đẩy thuế suất giữa hai nền kinh tế lên mức ba chữ số. Căng thẳng sau đó hạ nhiệt khi hai bên lần lượt giảm thuế về mức hai chữ số sau các vòng đàm phán thương mại. Một số mức thuế do chính quyền ông Trump áp đặt gần đây cũng đã bị Tòa án Tối cao Mỹ bác bỏ.

Thông báo của ông Bessent được đưa ra trong bối cảnh Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tới Washington trong chuyến thăm Mỹ đầu tiên sau hơn một thập kỷ. Hai nhà lãnh đạo dự kiến hội đàm ngày 24/9. Cuối tuần trước, ông Bessent và Phó thủ tướng Trung Quốc Hà Lập Phong cũng thảo luận sơ bộ về việc thiết lập một kênh liên lạc về AI trước cuộc gặp thượng đỉnh. Tuy nhiên, hai bên chưa công bố nhiều chi tiết về cuộc thảo luận. Khi được hỏi liệu Mỹ và Trung Quốc có thể đạt một thỏa thuận thương mại lớn hơn trước ngày 10/1 hay không, ông Bessent nói với Fox News rằng điều này vẫn chưa rõ ràng.

Washington đồng thời đang thúc giục Bắc Kinh thực hiện đầy đủ hơn các cam kết trong thỏa thuận hiện tại trong những tháng tới. Theo ông Bessent, Trung Quốc đang thực hiện đúng cam kết mua 25 triệu tấn đậu tương, nhưng vẫn chưa mua đủ 17 tỷ USD nông sản khác. Các quan chức Mỹ tuần trước cũng cho biết Bắc Kinh đang chậm trễ trong việc giao đất hiếm.

Nguồn: vietstock.vn

Dầu Brent quay đầu tăng gần 4% khi Iran tuyên bố không đầu hàng

Giá dầu thô tăng trong ngày 23/09, chấm dứt chuỗi 5 phiên giảm liên tiếp, sau khi Tổng thống Iran Masoud Pezeshkian tuyên bố Iran sẽ không đầu hàng Mỹ. Kết phiên, dầu Brent, chuẩn quốc tế, tăng 3.9%, lên 103.08 USD/thùng khi chốt phiên. Dầu West Texas Intermediate (WTI) của Mỹ tăng 1.8%, lên 92.16 USD/thùng. “Họ đã thử thách sức mạnh và sự kiên định của Iran, và họ đã nhận ra rằng không thể buộc Iran đầu hàng”, ông Pezeshkian nói trong bài phát biểu tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc trong ngày 23/09. Dầu thô Mỹ hiện giảm 8% trong tuần, trong khi dầu Brent mất gần 1%.

Trước đó, Tổng thống Donald Trump hôm thứ Ba cho biết các quan chức Mỹ đã có một “cuộc gặp rất tốt đẹp” với phái đoàn Iran và cuộc gặp kéo dài khoảng 3 giờ. Trong bài phát biểu tại Liên Hợp Quốc cùng ngày, ông Trump nói ông đang đứng trước một “quyết định lớn” về việc có đạt được thỏa thuận với Tehran hay “tiêu diệt” nước này. Reuters đưa tin hôm thứ Ba rằng Iran có thể mở lại eo biển Hormuz trong vòng một tuần nếu Mỹ đồng ý giảm sức ép quân sự và dỡ bỏ lệnh phong tỏa các cảng của Iran. “Nỗ lực trung gian của Pakistan với Tehran cũng có thể làm giảm nguy cơ xung đột leo thang rộng hơn”, Paolo Broccardo, Giám đốc điều hành ngân hàng số tư nhân BankPro, nhận định.

Theo ông, giá dầu cũng khó tăng vọt trong thời gian tới. “Trong 5 phiên liên tiếp vừa qua, giá dầu đã giảm gần 12%, một lần nữa rời khỏi ‘vùng can thiệp’ trên 100 USD/thùng, nơi chúng ta nhiều lần chứng kiến các nỗ lực thúc đẩy hòa bình được cả hai bên tăng cường”, Broccardo nói.

Nguồn: vietstock.vn

Lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh sau động thái điều hành của Ngân hàng Nhà nước

Trong ngày 23/9, lãi suất bình quân liên ngân hàng VND giảm 0,05-1,90 điểm % ở hầu hết các kỳ hạn so với phiên trước. Cụ thể, lãi suất qua đêm giảm xuống mức 2,5%/năm, kỳ hạn 1 tuần còn 5,55%/năm, kỳ hạn 2 tuần ở 5,43%/năm, trong khi kỳ hạn 1 tháng duy trì ở 6,6%/năm. Đây là mức giảm đáng kể nếu so với đầu tuần. Trong phiên 21/9, lãi suất qua đêm từng tăng mạnh lên 7%/năm. Kỳ hạn 2 tuần cũng ở mức 6%/năm, trong khi kỳ hạn 1 tháng tăng lên 6,5%/năm. Như vậy, chỉ trong hai ngày 22-23/9, lãi suất qua đêm -

kỳ hạn chiếm phần lớn khối lượng giao dịch - đã giảm từ 7% xuống 2,5%/năm, tương đương mức giảm 4,5 điểm %.

Diễn biến này cho thấy áp lực thanh khoản VND trên thị trường liên ngân hàng đã hạ nhiệt nhanh sau cú tăng mạnh đầu tuần. Trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh, Ngân hàng Nhà nước đã giảm quy mô hỗ trợ thanh khoản qua kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá (OMO). Theo đó, quy mô chào thầu đã thu hẹp nhanh chóng từ mức 63.000 tỷ đồng ngày 21/9, xuống 11.000 tỷ đồng ngày 22/9 và còn 5.000 tỷ đồng ngày 23/9. Việc Ngân hàng Nhà nước thu hẹp quy mô OMO và lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh cho thấy áp lực thanh khoản đã được giải tỏa đáng kể sau các biện pháp được triển khai từ đầu tuần.

Trước đó, khi lãi suất liên ngân hàng bật tăng trong phiên 21/9, Ngân hàng Nhà nước đã tăng mạnh lượng OMO chào thầu đồng thời mở lại kênh hoán đổi ngoại tệ, nhằm hỗ trợ thanh khoản VND cho hệ thống ngân hàng. Cụ thể, ngày 21/9, NHNN thông báo thực hiện hoán đổi ngoại tệ kỳ hạn 7 ngày với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với khối lượng tối đa là 2 tỷ USD. Theo phương án can thiệp, NHNN thực hiện hoán đổi theo hình thức mua USD giao ngay và bán USD kỳ hạn, với ngày giá trị của giao dịch là T+1, tức ngày 22/9/2026. Tỷ giá mua giao ngay được công bố ở mức 24.406 VND/USD, trong khi tỷ giá kỳ hạn là 24.412 VND/USD, tạo ra mức chênh lệch 6 đồng/USD.

Với hạn mức tối đa 2 tỷ USD, nếu toàn bộ khối lượng này được thực hiện, số VND tương ứng theo tỷ giá mua giao ngay vào khoảng 48.812 tỷ đồng. Tuy nhiên, đây chỉ là quy mô ngoại tệ tối đa NHNN công bố cho phiên can thiệp và không đồng nghĩa toàn bộ hạn mức sẽ được sử dụng. Khối lượng thực tế phụ thuộc vào nhu cầu hoán đổi ngoại tệ của các tổ chức tín dụng. Mỗi tổ chức tín dụng được đăng ký nhu cầu thực hiện hoán đổi không quá 80% tổng khối lượng ngoại tệ tối đa NHNN công bố. Với hạn mức 2 tỷ USD, mỗi tổ chức tín dụng có thể đăng ký tối đa tương đương 1,6 tỷ USD. Về bản chất, nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ là một hình thức cung ứng VND có thời hạn.

Các ngân hàng tạm thời bán USD giao ngay cho NHNN để nhận VND phục vụ nhu cầu vốn ngắn hạn, sau đó mua lại số ngoại tệ này khi hợp đồng đáo hạn. Vì vậy, lượng tiền Đồng được cung ứng thông qua kênh swap chỉ mang tính tạm thời và sẽ được NHNN thu hồi sau 7 ngày.

Nguồn: cafef.vn

MSN: Elmet Group sẽ mua 4.99% cổ phần MSR và ký kết hợp tác cung ứng vonfram dài hạn cho thị trường Mỹ

Ngày 24 tháng 09 năm 2026 tại Hà Nội – Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (UPCoM: MSR), nền tảng khai thác và chế biến vonfram tích hợp hiếm hoi trên thế giới, công bố quan hệ hợp tác chiến lược với Elmet Group Co. (“Elmet”, NASDAQ: ELMT), doanh nghiệp có trụ sở tại Mỹ chuyên cung cấp hợp kim vonfram và các sản phẩm khoáng sản chiến lược cho các khách hàng lớn tại Bắc Mỹ.

Thông qua khoản đầu tư cổ phần chiến lược cùng các thỏa thuận dài hạn về thu mua và cung ứng vonfram với sản lượng cam kết, giao dịch đánh dấu một bước tiến quan trọng trong hành trình MSR hướng tới trở thành nhà chế biến khoáng sản thiết yếu đáng tin cậy hàng đầu thế giới, đồng thời xây dựng “Nền tảng Vật liệu Chiến lược Toàn cầu”. Với năng lực chế biến tích hợp tại Việt Nam, MSR kết nối nguồn tài nguyên toàn cầu với các thị trường và ngành công nghiệp chiến lược như bán dẫn, hàng không vũ trụ, năng lượng, ô tô, hợp kim chuyên dụng và sản xuất công nghệ cao.

Theo giao dịch, Elmet sẽ mua 4.99% cổ phần MSR từ một công ty con do Masan Group (HOSE : MSN) sở hữu 100%, tương ứng với mức định giá vốn chủ sở hữu của MSR là 2.5 tỷ USD theo giá trị giao dịch. Sau giao dịch, Masan Group vẫn là cổ đông kiểm soát MSR với tỷ lệ sở hữu khoảng 87.46%. Đối với Masan Group, giao dịch tạo ra một mốc tham chiếu độc lập cho giá trị của MSR , dựa trên kết quả lợi nhuận Công ty đã đạt được. Mốc tham chiếu này được xác lập bởi một đối tác trong ngành đã đồng hành trong chuỗi cung ứng của MSR hơn 12 năm và có sự am hiểu sâu sắc về nền tảng của Công ty.

Hai bên đặt mục tiêu hoàn tất giao dịch trong nửa đầu tháng 10. Song song với khoản đầu tư cổ phần, MSR và Elmet đã ký kết các thỏa thuận dài hạn với sản lượng cam kết. Theo đó, MSR sẽ cung cấp cho Elmet các sản phẩm vonfram và dịch vụ chế biến từ nền tảng khai thác và chế biến tích hợp của Công ty tại Việt Nam. Các thỏa thuận này nâng tầm mối quan hệ thương mại hơn 12 năm giữa hai bên thành quan hệ hợp tác dài hạn với sản lượng cam kết trong hơn 8 năm, qua đó mang lại nguồn doanh thu thường xuyên và nâng cao khả năng dự báo lợi nhuận trong nhiều năm cho MSR .

Dựa trên quy mô và năng lực chế biến hiện có của MSR , hai bên cũng sẽ phối hợp phát triển thêm nguồn cung tinh quặng vonfram từ các mỏ đối tác quốc tế để chế biến tại Việt Nam, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trên thị trường toàn cầu. Các thỏa thuận bao gồm khoảng 1,250 tấn WO_3 quy đổi mỗi năm, tương ứng tổng doanh thu gộp ước tính khoảng 1.5 tỷ USD cho MSR trong thời hạn hợp tác ban đầu, theo giá vonfram hiện hành. “Vật liệu chiến lược là nền tảng thiết yếu để củng cố an ninh chuỗi cung ứng, nâng cao khả năng chống chịu của nền công nghiệp và thúc đẩy các công nghệ thế hệ mới tại Mỹ.

Hiện nay, MSR là một trong số rất ít doanh nghiệp chế biến vonfram đồng thời được khách hàng tại Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc và châu Âu tin tưởng, qua đó củng cố quá trình phát triển của Công ty thành “Nền tảng Vật liệu Chiến lược Toàn cầu”. Trước đó, MSR đã công bố việc củng cố “Nền tảng Vật liệu Chiến lược Toàn cầu”, với tiềm năng bổ sung 115 triệu tấn tài nguyên vonfram đa kim và mở rộng công suất sản xuất oxit vonfram lên hơn 8,000 tấn WO_3 mỗi năm. Trong 6 tháng đầu năm 2026, MSR ghi nhận doanh thu khoảng 423 triệu USD và lợi nhuận sau thuế khoảng 83 triệu USD . Riêng quý 2 đóng góp 309 triệu USD doanh thu và 63 triệu USD lợi nhuận sau thuế.

Kết quả kinh doanh được hỗ trợ bởi sản lượng vonfram tiêu thụ tăng, giá APT thực tế duy trì ở mức cao và hiệu quả vận hành được cải thiện. MSR cũng đã công bố khoản chi trả cổ tức lần đầu tiên với tổng giá trị 1,100 tỷ đồng (khoảng 42 triệu USD), đồng thời mở rộng công suất chuyển đổi oxit vonfram nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng. Cho cả năm 2026, MSR dự kiến đạt doanh thu khoảng 1.4 tỷ USD và lợi nhuận sau thuế khoảng 233 triệu USD . “Những công nghệ định hình thế kỷ này, từ trí tuệ nhân tạo, bán dẫn đến hàng không vũ trụ, đều không thể thiếu vonfram. Trên thế giới chỉ có rất ít nơi có khả năng sản xuất và tinh luyện vonfram ở quy mô lớn, và MSR là một trong số đó.

Nguồn: vietstock.vn

KDH: Khang Điền chốt ngày phát hành hơn 100 triệu cổ phiếu

Hội đồng quản trị (HĐQT) CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (Mã: KDH) vừa thông qua phương án triển khai phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025. Theo đó, Khang Điền dự kiến phát hành hơn 112,2 triệu cổ phiếu nhằm chi trả cổ tức năm 2025, tương ứng tỷ lệ 10% số cổ phiếu đang lưu hành. Với tỷ lệ này, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 10 cổ phiếu mới. Nguồn thực hiện được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2025, căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm

toán của công ty. Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông là 8/10, trong khi ngày giao dịch không hưởng quyền là 7/10.

Bên cạnh phương án trên, trước đó HĐQT Khang Điền cũng đã thông qua kế hoạch phát hành hơn 10,8 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2026. Lượng cổ phiếu này tương đương 0,968% tổng số cổ phiếu đang lưu hành, với giá phát hành 12.000 đồng/cổ phiếu. Mức giá ESOP thấp hơn khoảng 24% so với thị giá KDH chốt phiên 23/9, ở mức 15.850 đồng/cổ phiếu. Đối tượng tham gia chương trình gồm thành viên HĐQT, không bao gồm thành viên độc lập HĐQT, cùng người lao động tại công ty và các công ty con. Theo danh sách được doanh nghiệp công bố, có 235 người, bao gồm lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, thuộc diện tham gia đợt phát hành này.

Thời gian thực hiện ESOP dự kiến cùng thời điểm với đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025. Số tiền thu được từ chương trình sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nếu hoàn tất hai phương án trên, số lượng cổ phiếu KDH sẽ tăng từ khoảng 1,12 tỷ đơn vị lên 1,25 tỷ đơn vị, tương ứng vốn điều lệ tăng từ khoảng 11.222 tỷ đồng lên 12.452 tỷ đồng. Ở một diễn biến khác, ông Lý Tuấn Kiệt, Phó Tổng Giám đốc Khang Điền và là con trai ông Lý Điền Sơn, Phó Chủ tịch HĐQT đã báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu KDH. Cụ thể, ông Lý Tuấn Kiệt đã mua thành công 20 triệu cổ phiếu KDH thông qua phương thức khớp lệnh.

Sau giao dịch, lượng cổ phiếu ông Kiệt nắm giữ tăng lên hơn 20,6 triệu đơn vị, tương ứng 1,838% vốn điều lệ Khang Điền. Trên thị trường chứng khoán, KDH kết phiên 23/9 tại 15.850 đồng/cổ phiếu. Với mức giá này, vốn hóa thị trường của Khang Điền đạt khoảng 17.787 tỷ đồng.

Nguồn: vietnambiz.vn

TAL: Taseco Land rót hơn 400 tỷ đồng vào hai pháp nhân mới, lấn sân mảng năng lượng

CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco (Taseco Land - Mã: TAL) vừa công bố Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt chủ trương góp vốn thành lập hai công ty. Theo đó, Taseco Land dự kiến góp vốn thành lập CTCP Khu Công nghiệp Taseco Kim Bảng với vốn điều lệ 420 tỷ đồng. Trong đó, Taseco Land góp 273 tỷ đồng, tương đương 65% vốn điều lệ. Địa chỉ trụ sở dự kiến của công ty tại Lô đất DV01 thuộc Khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn II phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, phường Duy Tiên, tỉnh Ninh Bình. Nguồn vốn góp được lấy từ nguồn vốn kinh doanh của Taseco Land. Bên cạnh đó, Taseco Land dự kiến góp vốn thành lập với vốn điều lệ 200 tỷ đồng. TAL góp 140 tỷ đồng, tương đương 70% vốn điều lệ.

Địa chỉ trụ sở dự kiến của công ty tại tầng 7, Tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành, phường Láng, TP Hà Nội. Nguồn vốn góp cũng được lấy từ nguồn vốn kinh doanh của Taseco Land. HĐQT Taseco Land đồng thời phê duyệt việc cử ông Nguyễn Văn Nghĩa làm người đại diện theo ủy quyền quản lý toàn bộ phần vốn góp của công ty tại CTCP Khu Công nghiệp Taseco Kim Bảng. Thời hạn ủy quyền là 5 năm kể từ ngày 22/9/2026. Đối với CTCP Đầu tư Năng lượng Taseco, Taseco Land cử ba người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp của công ty gồm ông Trần Huy Tưởng đại diện 70 tỷ đồng, ông Nguyễn Văn Nghĩa đại diện 56 tỷ đồng, ông Phạm Minh Tuấn đại diện 14 tỷ đồng.

Thời hạn ủy quyền của cả ba người là 5 năm kể từ ngày 22/9/2026. Ông Phạm Minh Tuấn đồng thời giữ chức tổ trưởng tổ đại diện vốn của Taseco Land tại CTCP Đầu tư Năng lượng Taseco. Tại ngày 30/6/2026, Taseco Land ghi nhận 15 công ty con, phần lớn hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Nếu hoàn tất việc góp vốn thành lập hai công ty trên, số lượng công ty con của TAL sẽ tiếp tục tăng. Trên thị trường chứng khoán,

cổ phiếu TAL kết phiên giao dịch ở mức 22.450 đồng/cổ phiếu, tương đương vốn hóa 11.315 tỷ đồng.

Nguồn: vietnambiz.vn

GEX: Gelex bán sạch hơn 5% vốn ở Xếp dỡ Hải An

CTCP Tập đoàn Gelex (Mã: GEX) vừa hoàn tất bán toàn bộ hơn 9,7 triệu cổ phiếu, tương đương 5,16% vốn điều lệ của CTCP Xếp dỡ Hải An (Mã: HAH) trong ngày 23/9. Tạm tính theo thị giá HAH chốt phiên 23/9 ở mức 48.950 đồng/cp, số cổ phiếu Gelex bán ra có giá trị khoảng 475 tỷ đồng Vào ngày 21/8, Gelex đã mua thêm 413.600 cổ phiếu HAH, nâng sở hữu từ hơn 9,3 triệu đơn vị (4,94%) lên khoảng 9,7 triệu cổ phiếu (5,16%), qua đó trở thành cổ đông lớn của Xếp dỡ Hải An. Như vậy, chưa đầy một tháng sau khi trở thành cổ đông lớn, Gelex đã hoàn tất việc bán toàn bộ số cổ phần đang nắm giữ tại HAH. Trên thị trường chứng khoán, cổ phiếu HAH đã giảm gần 21% so với mức đỉnh được thiết lập cuối tháng 11/2025.

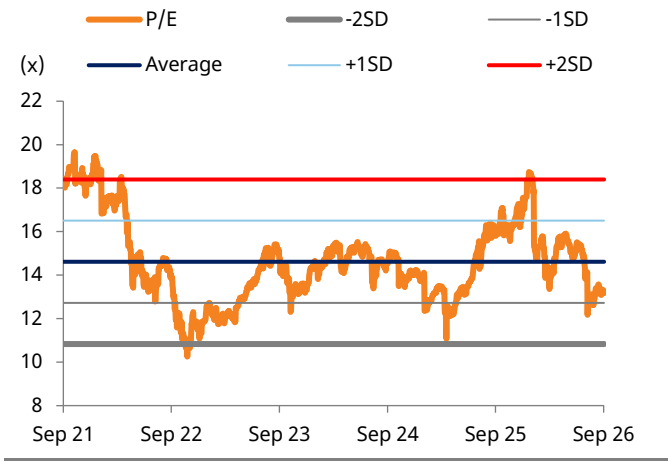
Kết phiên 24/9, mã này dừng ở 49.350 đồng/cp, tương ứng vốn hóa khoảng 9.467 tỷ đồng. Theo báo cáo tài chính bán niên soát xét, tại ngày 30/6, tổng tài sản của Gelex đạt hơn 85.740 tỷ đồng. Con số này giảm nhẹ so với cuối quý I nhưng tăng khoảng 17% so với đầu năm. Trong đó, tiền và các khoản tiền gửi của doanh nghiệp đạt hơn 10.702 tỷ đồng, tăng khoảng 12% so với cuối quý I. Bên cạnh đó, Gelex ghi nhận danh mục chứng khoán kinh doanh theo giá gốc gần 6.063 tỷ đồng tại cuối quý II, giảm hơn 9% so với cuối quý I và hơn 18% so với đầu năm. Danh mục này gồm gần 5.549 tỷ đồng cổ phiếu và khoảng 514 tỷ đồng trái phiếu.

Đến cuối quý II, Gelex đã trích lập gần 168 tỷ đồng dự phòng cho danh mục cổ phiếu. Theo thuyết minh báo cáo tài chính bán niên soát xét, riêng các khoản đầu tư cổ phiếu có giá trị gần 5.549 tỷ đồng tại ngày 30/6. Trong đó, khoản đầu tư vào Eximbank (Mã: EIB) có giá gốc gần 3.297 tỷ đồng, còn khoản đầu tư vào Chứng khoán VPBank (Mã: VPX) có giá trị hơn 508 tỷ đồng. Phần còn lại là các khoản đầu tư vào cổ phiếu khác, với tổng giá trị hơn 1.743 tỷ đồng, chiếm hơn 31% danh mục đầu tư cổ phiếu của Gelex.

Nguồn: vietnambiz.vn

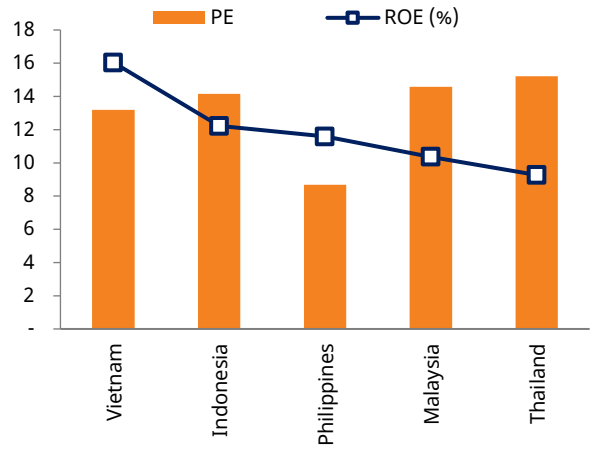
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



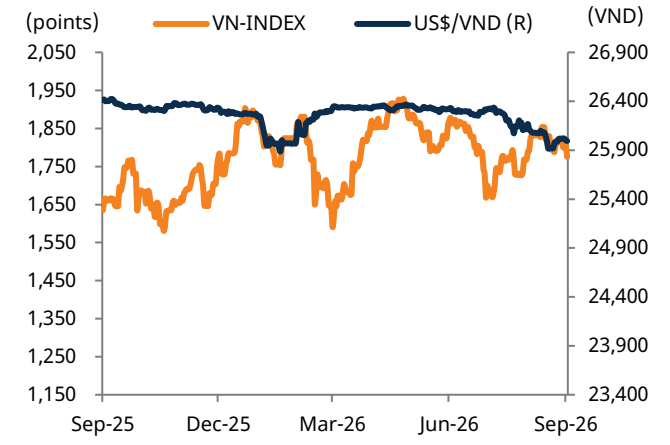
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



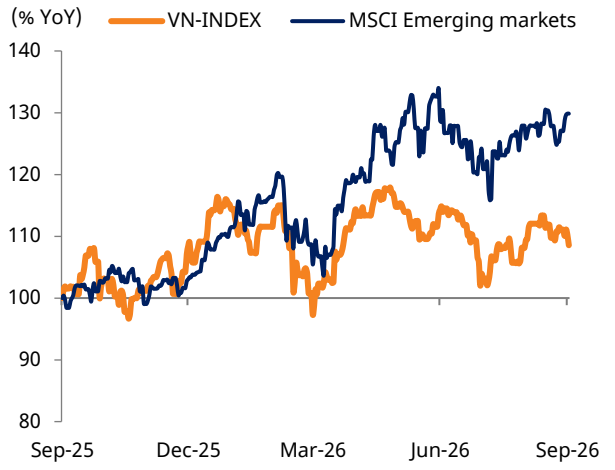
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



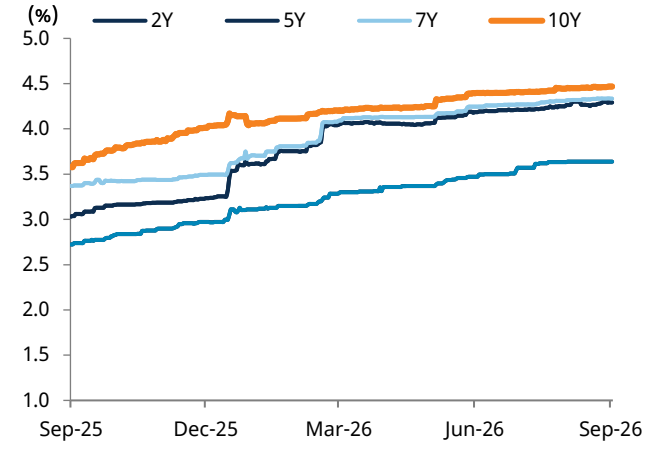
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



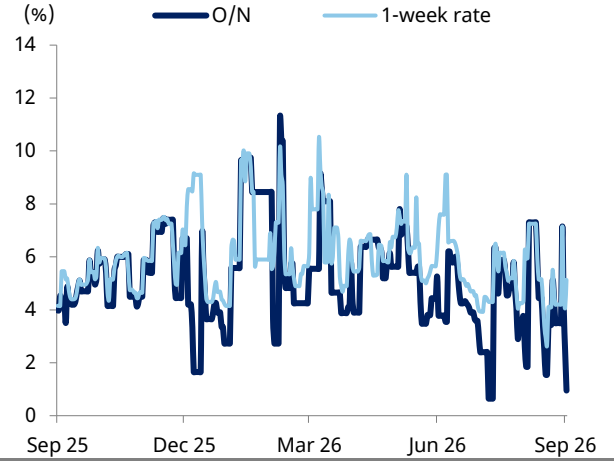
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)[1]			Sở hữu	Cổ tức			
		(VNDbn)	Đóng cửa	52Wcao	52Wthấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE(%)	Khối ngoại	EXdate	DPS[2]	12T[3]	FY24[4]
VN-Index		**8,667,423**	**1,775.09**	**1,936.55**	**1,578.42**	**-1.5**	**-2.6**	**-0.8**	**7.1**	**13.2**	**2.0**	**16.0**					
VN30 Index		**6,616,260**	**1,932.15**	**2,121.13**	**1,737.11**	**-1.2**	**-2.2**	**-0.5**	**4.2**	**11.6**	**2.0**	**18.1**					
Asia Commercial Bank JSC	ACB VN	124,215	21,400	24,071	19,204	-1.8	-6.1	-4.9	-7.0	7.9	1.3	16.7	23.8	6/15/2026	619	2.9	3.3
Bank for Investment and Development	BID VN	279,240	35,900	52,975	32,150	-1.2	-2.2	-2.7	-6.9	8.4	1.4	16.5	17.5	7/17/2026	0	1.2	N/A
Petrovietnam Refining and Petrochemical Corp	BSR VN	150,219	30,000	39,600	13,500	-4.2	-2.3	9.5	79.4	7.5	2.0	30.4	1.5	8/11/2026	300	1.0	0.7
Vietnam Joint Stock Commercial Bank	CTG VN	234,173	30,150	43,500	28,400	-1.8	-4.0	-5.2	-13.6	5.8	1.2	22.2	24.6	7/23/2026	0	2.5	1.6
FPT Corp	FPT VN	123,140	65,300	98,818	55,909	-1.2	-3.3	0.6	-27.8	12.2	3.1	27.3	28.6	5/28/2026	1,818	2.8	3.1
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	197,862	82,000	131,500	56,000	-3.3	-7.4	-3.5	33.1	15.6	2.9	18.4	2.1	9/22/2026	2,500	3.0	3.0
Vietnam Rubber Group Ltd	GVR VN	131,200	32,800	46,500	24,500	2.0	1.9	1.9	14.7	18.5	2.2	12.1	N/A	11/13/2025	400	1.2	1.2
Ho Chi Minh City Development JCB	HDB VN	138,396	27,650	30,000	21,783	-1.3	0.2	0.9	16.8	6.9	1.6	25.8	22.0	7/12/2024	0	N/A	1.8
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	175,615	20,800	27,045	20,100	-1.2	-1.9	-6.5	-21.2	7.6	1.2	17.4	21.7	5/11/2026	455	2.2	1.3
Fortune Vietnam JCB	LPB VN	138,610	46,400	58,500	39,500	-1.9	-2.3	-5.5	-2.2	12.3	3.2	27.0	1.5	5/14/2026	3,000	6.5	6.5
Military Commercial JCB	MBB VN	183,876	19,850	24,426	17,678	-0.8	-3.4	-4.3	-10.5	6.4	1.3	22.1	22.2	7/9/2026	828	4.2	4.0
Masan Consumer Corp	MCH VN	185,259	141,700	183,343	125,000	0.0	-2.7	1.4	N/A	26.2	9.8	39.4	16.0	8/10/2026	4,074	2.8	3.5
Masan Group Corp	MSN VN	103,395	70,800	94,000	61,700	1.4	4.6	1.1	-14.6	15.3	2.7	19.5	24.1	7/4/2022	0	N/A	1.7
Mobile World Investment Corp	MWG VN	107,578	72,900	94,400	62,500	-0.4	-0.3	-2.9	-8.0	10.9	3.0	30.2	49.0	10/7/2026	2,000	1.4	3.0
Saigon Beer Alcohol Beverage Corp	SAB VN	56,625	44,150	57,100	42,050	-0.1	-0.3	-4.2	-4.2	12.3	2.9	22.6	58.9	7/28/2026	5,000	11.3	10.5
Saigon - Hanoi JSC Bank	SHB VN	61,987	11,600	18,185	11,100	-0.9	0.0	-4.1	-32.2	4.5	0.7	17.5	4.0	6/9/2025	591	N/A	N/A
Southeast Asia JSC Bank	SSB VN	68,576	20,000	24,800	13,234	-2.4	-14.7	29.0	23.6	23.7	1.6	7.1	0.8	N/A	0	N/A	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	62,327	20,850	32,867	18,083	0.0	-1.4	-1.9	-31.8	12.3	1.5	13.9	N/A	8/17/2026	833	4.0	4.2
Saigon Thuong Tin JSC Bank	STB VN	144,973	76,900	79,000	45,950	0.0	0.9	2.7	34.9	23.7	2.3	5.0	10.7	11/29/2013	0	N/A	N/A
Vietnam Technological & Commer	TCB VN	233,492	32,950	42,000	27,800	-0.6	0.9	4.8	-15.1	8.6	1.3	16.1	20.9	5/19/2026	700	2.1	2.5
Techcom Securities JSC	TCX VN	99,880	30,000	45,000	29,236	-2.0	-5.7	-11.8	N/A	16.0	2.2	16.1	8.7	4/7/2026	0	1.2	1.4
Bank for Foreign Trade of Vietnam	VCB VN	485,465	58,100	78,800	52,600	-0.7	-2.5	-1.9	-7.3	11.7	2.0	18.0	20.0	7/23/2026	450	1.5	0.9
Vinhomes JSC	VHM VN	537,249	65,400	86,650	43,450	-4.1	-8.3	-10.9	33.5	6.8	2.0	33.1	6.6	6/29/2026	3,000	4.6	2.4
Vietnam International JSC Bank	VIB VN	50,133	13,450	18,904	12,831	-0.7	-1.1	-0.2	-28.2	6.8	1.0	16.2	3.5	4/29/2026	822	6.1	5.6
Vingroup JSC	VIC VN	1,785,303	230,000	265,000	72,800	-2.5	-4.6	7.2	208.7	82.2	10.2	12.6	3.1	8/6/2014	0	N/A	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	101,521	132,000	169,231	98,000	-2.2	4.1	6.0	28.3	46.1	3.9	8.7	6.2	4/23/2019	0	N/A	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	126,651	60,600	75,500	54,600	0.2	0.7	-4.1	-2.3	12.8	4.0	31.1	49.8	6/26/2026	4,350	7.8	7.5
Vietnam Prosperity JSC Bank	VPB VN	221,000	22,100	27,491	18,962	0.2	-1.2	5.7	-11.9	7.4	1.2	18.3	22.8	5/15/2026	397	1.8	1.8
Vinpearl JSC	VPL VN	139,877	78,000	111,000	67,000	-1.4	-8.8	1.4	-2.6	46.7	3.2	7.5	6.5	N/A	0	N/A	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	54,876	24,150	45,200	20,900	-3.0	-6.4	-4.5	-16.7	7.6	1.1	15.5	11.4	6/30/2026	1,000	4.1	1.4

Nguồn:MiraeAssetResearch,Bloomberg

Ghi chú:[1]Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg;[2]DPS:Tỷ lệ chi trả cổ tức; [3]Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong12tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu;[4]Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.